

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Mai Thị Mỹ.

- Bà Phạm Thị Thùy Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST - DS, ngày 14 tháng 01 năm 2020, về việc “Kiện đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2020/QĐST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1977; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1976; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị Thảo L, sinh năm 1980; vắng mặt.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn anh T trình bày:

Vào năm 2012, ông Huỳnh Văn S có mượn cà phê của ông T, đến ngày 09/7/2020 ông S và ông T đối chiếu, thỏa thuận quy đổi số cà phê nhân xô mà ông S mượn của ông T ra tiền theo giá tại thời điểm đối chiếu, sau khi đối chiếu, quy đổi thì ông S nợ ông T số tiền 102.500.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 20/12/2012, đến thời hạn trả nợ mà ông S không trả thì ông S phải chịu lãi suất 3%/tháng. Đến

hạn trả nợ ông S không trả nợ như cam kết. Nay tôi yêu cầu ông S và cùng vợ là bà Đoàn Thị Thảo L trả 102.500.000 đồng và tiền lãi suất 3%/tháng, kể từ ngày 21/12/2012 cho đến khi trả xong nợ. Yêu cầu vợ chồng ông S chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thảo L trình bày:

Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và những chứng cứ kèm theo, bản thân xác nhận bà là vợ của ông Huỳnh Văn S, theo những chứng cứ tôi nhận được thì tôi không liên quan, không biết chồng tôi vay khi nào, nên tôi không có nghĩa vụ đối với khoản vay này, còn chồng tôi có vay hay không thì tôi không rõ. Hiện nay, do chồng tôi đi làm xa mỗi tháng mới về một lần nên tôi sẽ thông báo với chồng tôi, tôi đã nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, tôi sẽ giao lại cho chồng tôi, chồng tôi sẽ có ý kiến gửi trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Bà L yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, xác định bị đơn ông Huỳnh Văn S có nơi cư trú cuối cùng tại tổ dân phố 11, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tiến hành xác minh và triệu tập đến để làm việc nhưng ông vẫn vắng mặt mà không có lý do. Mặt khác, trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án không tiến hành làm việc với ông Huỳnh Văn S được nên tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Văn S trả cho ông Vũ Văn T số tiền 102.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng mượn tài sản, sau đó quy đổi tài sản mượn thành tiền để bên mượn trả cho bên cho mượn giữa nguyên đơn ông Vũ Văn T với bị đơn ông Huỳnh Văn S là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Huỳnh Văn S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thảo L đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông S bà L được.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tiến hành triệu tập họp lẽ ông S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng những người này vẫn không đến tham gia. Mặt khác, bà L cũng đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Ông Vũ Văn T và ông Huỳnh Văn S có quan hệ mượn cà phê nhân xô với nhau, thời gian diễn ra giao dịch năm 2012, ngày 09/7/2012 hai bên có đối chiếu nợ, quy đổi cà phê nhân xô đủ độ ra giá thị trường khi đó thì ông S còn nợ ông T số tiền là 102.500.000 đồng và hẹn đến ngày 20/12/2012 trả hết nợ, nếu quá thời gian nêu trên mà ông S không trả thì tính lãi suất 03%/tháng. Đến hạn trả nợ nhưng ông S không trả như cam kết nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông S không có mặt tại nơi cư trú nên nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết mang tên “Huỳnh Văn S” phía dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” tại “BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG NỢ” mà hai bên ký kết để có căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk có kết luận giám định, kết luận: Chữ viết có nội dung “Huỳnh Văn S” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trong “BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG NỢ” đề ngày 09/7/2012 (kí hiệu A1) là so với chữ viết “Huỳnh Văn S” trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người kí và viết ra.

Như vậy, việc thiết lập hợp đồng mượn tài sản, sau đó quy đổi tài sản mượn thành tiền theo giá thị trường để bên mượn trả tiền cho bên cho mượn giữa ông T với ông S là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 512 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho mượn tài sản nhưng ông S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên mượn tài sản là phải trả tiền (quy đổi từ cà phê nhân xô) như hai bên đã thỏa thuận. Như vậy, ông S đã vi phạm nghĩa vụ của bên mượn tài sản theo quy định tại Điều 514 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc ông S không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ của bên mượn tài sản đối với bên cho mượn tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi

ích hợp pháp của ông T. Vì vậy, ông T khởi kiện buộc ông S trả lại tài sản là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của ông T về việc bà Đoàn Thị Thảo L phải có nghĩa vụ cùng trả số nợ cho ông T:

Xét thấy, trong bản đối chiếu công nợ giữa bà ông T với ông S thì bà L không ký, quá trình làm việc bà L không thừa nhận khoản nợ này. Mặt khác, ông T cũng thừa nhận trong biên bản xác nhận công nợ bà L không ký; ngoài ra, ông T cũng không có chứng cứ để chứng minh số tiền này là quy đổi từ cả phê mà ông S và bà L mượn có sự tham gia của bà L trước đó về để sử dụng cho gia đình. Vì vậy, không chấp nhận việc ông T yêu cầu bà L có nghĩa vụ cùng ông S trả số nợ trên.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa ông T rút yêu cầu về việc buộc ông S phải trả lãi suất 3%/tháng. Mặt khác, giao dịch giữa ông T với ông S xác nhận công nợ vào ngày 09/7/2012, thời hạn trả là 20/12/2012, tính đến thời điểm ông T khởi kiện ngày 31/12/2019 đã quá hai năm, hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Đối với tranh chấp về đòi lại tài sản thì không áp dụng thời hiệu, nhưng đối với yêu cầu tính lãi thì không giải quyết. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên cần đình chỉ yêu cầu này.

[5] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên cần buộc ông S phải chịu toàn bộ chi phí giám định, toàn bộ các chi phí giám định 5.040.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng. Vì vậy, ông S có nghĩa vụ phải trả cho ông T 5.040.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định mà ông T đã nộp tạm ứng.

[6] Về án phí dân sự: Cần buộc ông Huỳnh Văn S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho ông Vũ Văn T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 159, Điều 161; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256, Điều, 512, Điều 514, Điều 516 và Điều 517 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T.

1. Buộc ông Huỳnh Văn S phải trả cho ông Vũ Văn T số tiền 102.500.000 (Một trăm linh hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lãi suất: Đình chỉ giải quyết việc ông Vũ Văn T yêu cầu ông Huỳnh Văn S trả lãi suất đối với số nợ 102.500.000 đồng.

3. Về chi phí giám định: Ông Huỳnh Văn S phải trả cho ông Vũ Văn T 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định mà ông T đã nộp tạm ứng.

4. Về án phí dân sự: Buộc ông Huỳnh Văn S phải chịu 5.125.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Vũ Văn T 2.560.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2019/0001356, ngày 31/12/2019.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Vũ Văn T có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Huỳnh Văn S, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thảo L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Công TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa